TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/2020/QĐ-PT	*Phú Thọ, ngày 09 tháng 4 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
HỦY BẢN ÁN SƠ THẨM VÀ ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Tiến;
Ông Nguyễn Trường Sơn.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2020/HNGĐ – ST ngày 10, 11 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh P bị kháng cáo như sau:

Ngày 25 tháng 02 năm 2020; nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, bị đơn anh Nguyễn Văn M kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án để vợ chồng về đoàn tụ

XÉT THẤY:

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T có đơn xin được rút đơn khởi kiện.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020, bị đơn là anh Nguyễn Văn M có ý kiến đồng ý việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn . Việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn và việc bị đơn đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác.

Về án phí : Giữ nguyên quyết định về án phí của Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2020/HNGĐ – ST ngày 10, 11 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 311 của Bộ luật Tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2020/HNGĐ – ST ngày 10, 11 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 10/2020/TLPT- HNGĐ ngày 24 tháng 03

năm 2020 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1970;

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M , sinh năm 1969;

Đều có địa chỉ: Khu 6, xã T, huyện C, tỉnh P.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C, tỉnh P. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc L– Giám đốc chi nhánh huyện C.

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1936 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1932. Địa chỉ: Khu 3, xã T, huyện C, tỉnh P.

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1969; địa chỉ: Khu 1, xã T, huyện C, tỉnh P.

- Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu 2, xã T, huyện C, tỉnh P.

- Ông Mai Văn K, sinh năm 1962; địa chỉ: Khu 5, xã T, huyện C, tỉnh P.

- Ông Vũ Quang H, sinh năm 1959; địa chỉ: Khu 2 (xóm Đõ), xã T (Nay là xã H), huyện C, tỉnh P.

- Bà Lê Thị T, sinh năm 1958 và ông Tống Văn S (đã chết)

+ Anh Tống Văn T, sinh năm 1979;

+ Chị Tống Thị L, sinh năm 1982;

+ Anh Tống Quốc T, sinh năm 1985;

+ Anh Tống Minh D, sinh năm 1988;

+ Chị Tống Thị X, sinh năm 1994.

Bà T, anh T, chị L, anh T, anh D, chị X đều có địa chỉ: Khu 7, xã T, huyện C, tỉnh P.

- Ông Nguyễn Tiến T, sinh năm 1948; địa chỉ: Khu 6, xã T, huyện C, tỉnh P.

- Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu 9, xã T, huyện C, tỉnh P.

- Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu 3, xã T, huyện C, tỉnh P.

- Bà Vũ Thị Thúy N, sinh năm 1941; địa chỉ: Khu 7, xã Y, huyện C, tỉnh P.

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu 7, xã T, huyện C, tỉnh

P.

- Ông Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1956; địa chỉ: Khu 1, xã T (Nay là thị trấn D), huyện C, tỉnh P.

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu 5, xã T, huyện C, tỉnh P.

- Ông Hoàng Trung N, sinh năm 1960; địa chỉ: Khu 7, xã T, huyện C, tỉnh P.

- Ông Lê Hữu Q, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu 18, xã P, thị xã P, tỉnh P.

- Bà Mai Thị D, sinh năm 1952 và ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1952; địa chỉ: Khu 6, xã T, huyện C, tỉnh P.

- Anh Nguyễn Văn H và chị Mai Thị L; địa chỉ: Khu 6, xã T, huyện C, tỉnh P.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn X – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh ngân hàng C huyện C.

2. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí chia tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung là 27.905.900 đồng (Hai mươi bảy triệu, chín trăm linh năm nghìn, chín trăm đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0003357 ngày 29/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Anh Nguyễn Văn M phải chịu án phí chia tài sản chung là 10.552.125 đồng (Mười triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng) và án phí về nghĩa vụ tài sản (công nợ) 18.310.000 đồng (Mười tám triệu, ba trăm mười nghìn đồng). Tổng cộng là 28.862.125 đồng (Hai mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, một trăm hai mươi lăm đồng).

- Về án phí phúc thẩm:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí phúc thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0003535 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh P. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Nguyễn Văn M phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí phúc thẩm. Xác nhận anh M đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng

án phí phúc thẩm t heo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0003536 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh P. Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn M 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đ- ơng sự;
- L- u: HS+QĐ.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu Huyền